

SỰ LƯU TRUYỀN VÀ TIẾP NHẬN SÁCH *HIẾU KINH* Ở VIỆT NAM QUA KHẢO SÁT NGUỒN TƯ LIỆU HÁN NÔM

Phạm Văn Dung

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Sách *Hiếu kinh* có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với văn hóa truyền thống của Trung Quốc cũng như với các nước thuộc nhóm văn hóa đồng văn chữ Hán, trong đó có Việt Nam. Vậy *Hiếu kinh* đã được lưu truyền và được tiếp nhận ở Việt Nam như thế nào? Để trả lời thỏa đáng câu hỏi đó, đòi hỏi sự khảo cứu sâu rộng từ nhiều nguồn tư liệu, từ nhiều phương diện. Trong phạm vi này, bài viết thực hiện khảo sát nguồn tư liệu Hán Nôm về *Hiếu kinh* tại một số kho lưu trữ thư tịch Hán Nôm lớn, nhằm thống kê về tình hình tư liệu hiện tồn, phân tích để rút ra những đặc điểm về số lượng, hình thức, nội dung văn bản, niên đại, phương thức lưu truyền, sự chủ động trong tiếp nhận, luận giải và truyền bá *Hiếu kinh* tại Việt Nam.

Từ khoá: *Hiếu kinh*; luận giải *Hiếu kinh* tại Việt Nam; nguồn tư liệu Hán Nôm về *Hiếu kinh*; phương thức lưu truyền; sự tiếp nhận.

Nhận bài ngày 24.05.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025

Liên hệ tác giả: Phạm Văn Dung ; email: pvdunghn77@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Hiếu kinh 孝經 là cuốn sách chuyên bàn về đạo hiếu, là một trong số 13 kinh điển của Nho gia, từng được sử dụng làm sách giáo khoa dạy trẻ nhỏ thời xưa, được tầng lớp thống trị đề cao, sử dụng trong đường lối cai trị thiên hạ và trở thành chuẩn tắc đạo đức căn bản cho toàn dân. Do ảnh hưởng về văn hóa cùng giáo dục khoa cử chữ Hán từ Trung Quốc, sách *Hiếu kinh* là một trong những sách vở được giảng dạy cho học trò trong xã hội xưa và để lại dấu ấn đậm nét về quan niệm hiếu trong xã hội Việt Nam truyền thống. *Hiếu kinh* du nhập từ bao giờ, sự lưu truyền và việc tiếp nhận sách *Hiếu kinh* trong lịch sử xã hội Việt Nam truyền thống ra sao, cần có những công trình khảo cứu chuyên sâu. Đã có những bài viết nghiên cứu về giá trị nội dung, sự ảnh hưởng của *Hiếu kinh* với đời sống xã hội hoặc những luận văn, khoá luận tốt nghiệp chuyên ngành Hán Nôm khảo cứu, phiên dịch về một số văn bản Hán Nôm dịch chú về *Hiếu kinh*. Tuy nhiên trước hết, mọi nhận định, đánh giá cần phải khảo cứu một cách hệ thống từ những nguồn tư liệu gốc, mang tính xác thực, nhằm dựng lên một diện mạo chung về sự lưu truyền và tiếp nhận *Hiếu kinh* ở Việt Nam. Trong giới hạn nhất định, bài viết thực hiện khảo sát nguồn tư liệu văn bản Hán Nôm về *Hiếu kinh* tại hai kho sách Hán Nôm lớn ở Việt Nam là Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam, nhằm thống kê, phân tích về số lượng, các đặc điểm hình thức, nội dung văn bản, từ đó rút ra các nhận xét về sự lưu truyền và sự tiếp nhận sách *Hiếu kinh* tại Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Nguồn tư liệu Hán Nôm về *Hiếu kinh*

Để có thể làm sáng tỏ sự lưu truyền và tiếp nhận sách *Hiếu kinh* ở Việt Nam trong chiều dài lịch sử, trước hết cần tìm hiểu việc lưu hành những văn bản Hán Nôm liên quan tới *Hiếu kinh* ở Việt Nam. Tham khảo nguồn thông tin từ *Di sản Hán Nôm - Thư mục đề yếu* cùng khảo sát cụ thể tại kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam, có thể lập bảng thống kê thông tin tình hình nguồn văn bản về *Hiếu kinh* như sau¹:

¹ Thứ tự văn bản trong bảng thống kê được sắp xếp theo niên đại dịch chú hoặc khác in.

Bảng 1: Thống kê thông tin nguồn văn bản Hán Nôm về Hiếu kinh lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam

Stt	Tên văn bản	Kí hiệu	Hình thức chế bản	Số trang	Soạn giả	Niên đại	Tóm lược nội dung	Các thông tin khác
1	<i>Hiếu kinh chú giải</i> 孝經註解	AC. 1415	In	44 tr	Nguyên Tông hoàng đế đời Đường (tức Đường Huyền Tông) chú thích, Tư Mã Quang người đời Tống giải nghĩa, Phạm Vũ Tô (cũng người đời Tống) thuyết minh	Cầu Thị Hiên (Trung Quốc) in năm Đạo Quang thứ 27 nhà Thanh (tức năm 1847)	Gồm 3 bài tựa, 1 bài跋 cùng phần kinh văn kèm chú giải.	
2	<i>Trung kinh, Hiếu kinh tiết yếu</i> 忠經孝經節要	VHv. 1006 ; Paris . MG. FC. 6368 6	In	66tr	Mao Su Trinh, Thẩm Minh Viễn và Lí Chương Mỹ (Trung Quốc) biên tập	In năm Tự Đức thứ 5 (1852)	Gồm <i>Trung kinh tựa</i> (Bài tựa cho sách <i>Trung kinh</i>), <i>Trung kinh thiên mục</i> ; <i>Đường Huyền Tông ngự chế Hiếu kinh tựa</i> (Bài tựa sách <i>Hiếu kinh</i> của Đường Huyền Tông đề); <i>Hiếu kinh thiên mục</i> ; <i>Trung kinh tiết yếu</i> ; <i>Hiếu kinh tiết yếu</i> . Như vậy, mặc dù trang bìa ghi tên sách là <i>Trung kinh Hiếu kinh</i> nhưng trong nội dung chính vẫn lại ghi là <i>Trung kinh tiết yếu</i> và <i>Hiếu kinh tiết yếu</i> .	Thư viện Quốc gia Việt Nam hiện lưu trữ văn bản kí hiệu R.1779 có cùng tên và nội dung. Tuy nhiên, phần <i>Hiếu kinh tiết yếu</i> chỉ lưu giữ được đến chương thứ 16, tức là chương <i>Cảm ứng</i> , với tổng số trang của văn

								bản là 30 trang.
3	<i>Hiếu kinh lập bản</i> 孝經立本	AB. 266; VHv. 343	In	Bản AB. 266: 205tr; VHv.3 43: 96tr (bị thiếu)	Hoàng tử Miên Tuấn, tự Ngạn Thúc, hiệu Nhã Trang biên soạn; Phạm Hữu Nghi, hiệu Trọng Vũ viết tựa.	Bài tự tựa của tác giả đề năm 1871.	Nội dung giải thích, bình luận về <i>Hiếu kinh</i> . Trong đó, văn bản A.266, ngoài <i>Hiếu kinh lập bản</i> (34 trang) còn có 3 tác phẩm đều do tác giả Miên Tuấn soạn như sau: + <i>Hiếu sử lược thuyên</i> 孝史略詮gồm 64 trang, được Tuy Lí Công Miên Trinh viết đề tựa năm Đồng Khánh, Đinh Hợi (tức năm 1887), gồm 108 câu truyện về các gương hiếu thuận trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc, sắp đặt thành các bộ: đế vương, hoàng hậu, hoàng thân, công chúa, người ăn dật, quan lại, phụ nữ và trẻ em). + <i>Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa</i> 孝經國音演義歌gồm 25 trang, được Vi Dã và Dương Duy Đức phê bình, Phạm Hữu Nghi viết tựa (bằng chữ Hán), bài tự tựa của tác giả (viết bằng chữ	

							Nôm). Nội dung tác phẩm: diễn Nôm <i>Hiếu kinh</i> theo thể lục bát. + <i>Hiếu sử quốc âm ca</i> 孝史國音歌 gò m 32 trang, diễn Nôm theo thể lục bát tác phẩm <i>Hiếu sử lược thuyết</i> , được Tuy Lí Công Miên Trình duyệt định, đốc học Trần Trọng Thư phê bình. Văn bản kí hiệu VHv. 343 chỉ gồm <i>Hiếu kinh lập bản</i> và <i>Hiếu sử lược thuyết</i> .	
4	<i>Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca</i> 孝經國音演義歌 ²	VNv. 60	In	40tr	Hòa Thịnh Quận vương Miên Tuấn (1827 – 1907)	In lại vào năm Thành Thái (1889 – 1907)	Văn bản gồm 3 tác phẩm: - <i>Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca</i> : Gồm 1 bài tựa của Thái sử Phạm Hữu Nghi, 1 tựa đề tựa của tác giả và bản dịch <i>Hiếu kinh</i> sang chữ Nôm (gồm từng câu chữ Hán kèm theo câu dịch Nôm theo thể lục bát). - <i>Hoạt thế sinh cơ hiếu tử quang truyện</i> : dịch tác phẩm <i>Hoạt thế sinh cơ hiếu tử quang truyện</i> của	

² Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu ghi tên văn bản là *Hiếu kinh quốc âm diễn ca* 孝經國音演歌. Đọc trực tiếp văn bản kí hiệu VHv.60, trang bìa ghi tên sách là *Hiếu kinh quốc ngữ ca* 孝經國語歌 nhưng trong bài đề tựa cho sách của Thái sử Phạm Hữu Nghi, bài tựa tựa của chính tác giả Miên Tuấn và gáy sách đều ghi là *Hiếu kinh quốc âm diễn ca* 孝經國音演歌. Do vậy, ở đây, bài viết xác định “Hiếu kinh quốc âm diễn ca” là tên chính thức của tác phẩm.

							Thiệu Kỷ Đường, người đời Thanh (Trung Quốc) sang chữ Nôm theo thể thơ lục bát, có nội dung ca ngợi về người con có hiếu. - <i>Bổ chính nhị thập tứ hiếu truyện diễn nghĩa ca</i> : diễn Nôm theo thể song thất lục bát về 24 tấm gương hiếu thuận trong lịch sử Trung Quốc.	
5	<i>Hiếu kinh dịch thuyế t xiển nghĩ a</i> 孝經釋說闡義	AC. 409; VHv. 1008 ; Paris . SA.P D.23 44	In	164tr	Thái Hoài Thanh, hiệu Trùng Ba (Trung Quốc) bình chú; Lí Chi Hữu giám định. Lâm Thời Khả, Lâm Bá Kiền, Hồng Bình Quân, Trần Trúc Tôn, Khâu Chi Điền, Thái Hoài Thanh viết tựa	Thái Hoài Thanh viết tựa năm Quang Tự thứ 19 (1893). Đền Ngọc Sơn, Hà Nội in năm Thành Thái thứ 19 (1907)	Gồm 6 bài tựa, 1 mục lục, có đề thơ; Nội dung sách giải nghĩa, bình luận 18 chương của <i>Hiếu kinh</i> .	
6	<i>Hiếu kinh dịch nghĩ a</i> 孝經釋義	VHv. 1007	In	36 trang	Trần Văn Tăng dịch	Khắc in năm Khải Định thứ 3 (tức năm 1918)	1 bài tựa, 1 mục lục và bản dịch <i>Hiếu kinh</i> sang chữ Nôm (gồm từng câu chữ Hán của kinh văn kèm theo câu dịch sang chữ Nôm)	
7	<i>Hiếu kinh thích nghĩ a</i> 孝經	VNv. 299	In	28tr	Không có thông tin	Không có thông tin	Nội dung giống <i>Hiếu kinh dịch nghĩ a</i> (VHv. 1007): Dịch 18 chương của sách <i>Hiếu kinh</i> ,	Không có trang bìa.

	釋義						có phần chữ Hán và lời dịch bằng chữ Nôm sau mỗi câu kinh văn.	
8	<i>Hiếu kinh tập chú</i> 孝經集註	VHv. 1009	Chép tay	44 tr			Tr1 – tr23: <i>Hiếu kinh tập chú</i> : gồm trọn nội dung 18 chương <i>Hiếu kinh</i> . Phần cuối: tóm tắt nội dung, ý nghĩa từng chương (khoảng 1 trang). Tr23 – 44: <i>Trung kinh tập chú</i> (ghi: Trịnh Huyền tập chú)	

2.2. Những đặc điểm về số lượng, hình thức, nội dung văn bản

Qua những nguồn tư liệu thông kê ở trên, có thể đưa ra một số nhận xét từ phương diện số lượng và đặc điểm các văn bản Hán Nôm về *Hiếu kinh* đã lưu hành ở Việt Nam như sau:

2.2.1. Về số lượng tác phẩm và văn bản

Bảng thống kê cho thấy có 8 tên sách về *Hiếu kinh* bao gồm: *Hiếu kinh chú giải*; *Trung kinh*, *Hiếu kinh tiết yếu*; *Hiếu kinh lập bản*; *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca*; *Hiếu kinh dịch thuyết xiển nghĩa*; *Hiếu kinh dịch nghĩa*; *Hiếu kinh thích nghĩa*; *Hiếu kinh tập chú*. Trong bảng thống kê trên, văn bản kí hiệu VNV.299 được ghi trong *Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* với tên gọi là *Hiếu kinh thích nghĩa* 孝經釋義. Đọc trực tiếp vào văn bản cho thấy, văn bản kí hiệu VNV.299 tuy bị thiếu 9 trang đầu so với văn bản kí hiệu VHv.1007, nhưng phần còn lại nội dung hoàn toàn giống nhau. Hơn nữa, tên của văn bản VNV.299 ghi ở gáy sách bị mờ, chỉ còn lại nửa phần chữ bên phải hoàn toàn khớp phần bên phải của tên sách trong bản VHv.1007. Điều đó cho phép khẳng định hai văn bản này cùng có nội dung của một tác phẩm *Hiếu kinh dịch nghĩa* 孝經釋義 như VHv.1007 hiện còn bảo lưu đầy đủ. Tên gọi *Hiếu kinh thích nghĩa* chỉ là sự phỏng đoán nhầm tự dạng của người lên thư mục sách mà thôi. Như vậy, dù *Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* hiện thống kê thư mục 8 tên sách kê trên nhưng thực chất chỉ là 7 tác phẩm, do *Hiếu kinh dịch nghĩa* và *Hiếu kinh thích nghĩa* thực chất chỉ là một tác phẩm với nhan đề là *Hiếu kinh dịch nghĩa*. 7 tên sách này được lưu hành với 13 văn bản hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Quốc gia Việt Nam và Paris (Pháp), trong đó, chủ yếu được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (10/13 văn bản).

2.2.2. Xuất xứ và chủ thể biên soạn các sách

Trong 7 tên sách trên có thể chia thành hai nhóm có xuất xứ sách từ Trung Quốc và Việt Nam. Nhóm sách xuất xứ từ Trung Quốc gồm 4 tác phẩm, đó là: *Hiếu kinh chú giải*; *Hiếu kinh dịch thuyết xiển nghĩa*; *Hiếu kinh tập chú*; *Trung kinh Hiếu kinh tiết yếu*. Văn bản kí hiệu VHv. 1009 có lẽ không còn lưu giữ được bìa sách nên nhóm biên soạn *Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* đã sử dụng ngay tên của nội dung phần đầu văn bản là *Hiếu kinh tập chú* làm tên cho sách. Nhưng thực tế, văn bản VHv.1009 còn gồm cả phần *Trung kinh tập chú* ở phần sau. Phần *Hiếu kinh tập chú*, thực chất lại chỉ có chính văn của 18 chương *Hiếu kinh* như nội dung kinh văn vốn có và phần cuối dành khoảng 1 trang, trình bày ngắn gọn ý nghĩa các vấn đề được đề cập trong *Hiếu kinh*, mà không có phần “tập chú” (tập hợp chú giải). Do vậy, về cơ bản, văn bản này cũng chỉ có tính chất là một bản *Hiếu kinh* được lưu truyền. Ba sách còn lại đều là những công trình chú giải *Hiếu kinh* của người Trung Quốc. Trong đó, sách *Hiếu kinh chú giải* do Nguyên Tông hoàng đế đời Đường (tức

Đường Huyền Tông) chú thích, Tư Mã Quang và Phạm Vũ Tô người đời Tống giải nghĩa, thuyết minh. Đây là tác phẩm có quyền uy và ảnh hưởng từ đời Đường cho tới đời Tống, được in lại vào đời Thanh, niên hiệu Đạo Quang năm thứ 27 (1847) và được lưu truyền tại Việt Nam, văn bản hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm không có thông tin gì về việc khắc in lại ở Việt Nam. Còn *Trung kinh Hiếu kinh tiết yếu* do Mao Sư Trinh, Thẩm Minh Viễn và Lí Chương Mĩ (Trung Quốc) biên tập, in lại vào năm Tự Đức thứ 5 (1852); *Hiếu kinh dịch thuyết xiển nghĩa* do Thái Hoài Thanh, hiệu Trừng Ba (Trung Quốc) bình chú, Lí Chi Hữu giám định; Lâm Thời Khả, Lâm Bá Kiền, Hồng Bình Quân, Trần Trúc Tôn, Khâu Chi Điền, Thái Hoài Thanh viết tựa năm Quang Tự thứ 19 (1893), được đền Ngọc Sơn, Hà Nội in lại năm Thành Thái thứ 19 (1907). Như vậy, trong phạm vi khảo sát cho thấy, những công trình chú giải *Hiếu kinh* do người Trung Quốc biên soạn được lưu truyền vào Việt Nam, có bản mang tính quan phương triều đình là bản do Đường Huyền Tông ngự chú cùng sự chú giải tiếp nối của các học giả đời Bắc Tống, cũng là bản có ảnh hưởng lớn trong lịch sử kinh học Trung Quốc. Hai bản còn lại là những bản chú giải vào đời Thanh đã được in lại tại Việt Nam vào giữa thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, cho thấy sự tiếp cận những công trình kinh học về *Hiếu kinh* khá cập nhật ở Việt Nam vào đương thời. Hai sách này có lẽ cũng được phát hành khá rộng rãi (mỗi sách hiện còn lưu giữ 3 bản khắc in, phần nào cho phép phỏng đoán điều đó).

Nhóm sách xuất xứ từ Việt Nam gồm 3 tên sách, đó là: *Hiếu kinh lập bản*; *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa*; *Hiếu kinh dịch nghĩa*. Ba tác phẩm này được thực hiện bởi hai tác giả, trong đó có hai công trình dịch sang chữ Nôm (*Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa* của Hoàng tử Miên Tuấn, *Hiếu kinh dịch nghĩa* của Trần Văn Tăng), một công trình mang tính khảo cứu, chú giải, bình luận *Hiếu kinh* (*Hiếu kinh lập bản* của Hoàng tử Miên Tuấn).

2.2.3. Niên đại biên soạn (hoặc xuất bản) và phương thức chế bản

Về vấn đề niên đại (cả ở phương diện biên soạn và xuất bản): Ngoài văn bản *Hiếu kinh tập chú* (kí hiệu VHv. 1009) không có thông tin về niên đại, văn bản được lưu truyền sớm nhất trong số các văn bản còn lại là *Hiếu kinh chú giải* (AC. 1415) được Trung Quốc in lại vào năm Đạo Quang thứ 27 nhà Thanh (tức năm 1847); muộn nhất là văn bản *Hiếu kinh dịch nghĩa* của Trần Văn Tăng được khắc in vào năm 1918. Nhóm văn bản xuất xứ của Trung Quốc có 2 văn bản được in lại vào giữa thế kỉ XIX, 1 văn bản in lại vào đầu thế kỉ XX. Nhóm văn bản của Việt Nam có 1 văn bản ra đời, được in vào nửa sau thế kỉ XIX; 1 văn bản in lại và 1 văn bản ra đời, được in vào đầu thế kỉ XX. Như vậy, các văn bản trên đều lưu hành tại Việt Nam vào khoảng giữa thế kỉ XIX tới đầu thế kỉ XX.

Về phương thức chế bản: Gần như tuyệt đại đa số, các văn bản đều được khắc in, chỉ có 1 bản chép tay (*Hiếu kinh tập chú* – VHv.1009). Điều đó phần nào cũng thể hiện vị thế, mối quan tâm tới *Hiếu kinh* trong thời kỳ này ở Việt Nam.

Trong điều kiện khảo sát được nguồn văn bản hiện có, chưa thể khẳng định chính xác về thời điểm du nhập, sự truyền bá thịnh hành sách *Hiếu kinh* tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc số lượng văn bản về *Hiếu kinh* tập trung khoảng giữa thế kỉ XIX tới đầu thế kỉ XX, bước đầu có thể cho phép nhận định, đây là giai đoạn *Hiếu kinh* được đặc biệt đề cao, chú trọng, lưu hành rộng rãi cả trên phương diện số lượng và chất lượng văn bản.

2.2.4. Những đặc điểm về hình thức và nội dung văn bản

Trong số 7 tác phẩm trên, trừ *Hiếu kinh tập chú* có nội dung như một bản *Hiếu kinh* lưu truyền, có 2 tác phẩm là bản dịch *Hiếu kinh* sang chữ Nôm của Việt Nam (1 bản dịch nghĩa, 1 bản dịch sang thể thơ lục bát); 4 tác phẩm là những công trình thực hiện tiết yếu, chú giải, bình luận, xiển phát nghĩa lý kinh văn, trong đó, có 3 công trình của Trung Quốc và 1 công trình của Việt Nam. Nhóm công trình của Trung Quốc gồm 1 công trình chú giải (*Hiếu kinh chú giải*), 1 công trình xiển phát nghĩa lý (*Hiếu kinh dịch thuyết xiển nghĩa*), 1 công trình tiết yếu (*Hiếu kinh Trung kinh tiết yếu*). Công trình của Việt Nam mang tính khảo cứu, chú giải, bình luận về *Hiếu kinh* là *Hiếu kinh lập bản*. Sự đa dạng về tính chất của các công trình trên cho thấy, ở giai đoạn này, *Hiếu kinh* được tiếp nhận ở Việt Nam không chỉ dừng ở việc tiếp nhận thuần túy nội dung nguyên điển từ Trung Quốc mà còn có sự chủ động chuyển dịch sang chữ Nôm ở cả hình thức văn xuôi và thơ lục bát, điều đó khiến con đường phổ biến *Hiếu kinh* được rộng rãi, thuận lợi tới nhiều đối tượng hơn. Sự

tiếp nhận *Hiếu kinh* ở Việt Nam không chỉ dừng ở việc tiếp thu, truyền bá nội dung nguyên điển mà đã được chú trọng ở phương diện kinh học, cả ở góc độ tiếp thu thành tựu của Trung Quốc và cả ở sự chủ động luận giải kinh điển của người Việt Nam. Sự lưu truyền văn bản về *Hiếu kinh* có tính “tiết yếu” (rút gọn, lựa chọn lấy những nội dung cốt yếu) cũng thể hiện sự tiếp nhận nhằm đáp ứng thiết thực với thực tiễn sử dụng.

Một điểm độc đáo trong nhóm văn bản của Việt Nam thể hiện ở tính tập hợp liên văn bản mà nhóm văn bản của Trung Quốc trong phạm vi khảo sát này không thấy xuất hiện. Đó là trường hợp văn bản *Hiếu kinh lập bản* (kí hiệu AB. 266; VHv.343) và *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca* (kí hiệu VNv.60) đều do Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Tuấn (1827 – 1907), tự Ngạn Thúc, hiệu Nhã Trang biên soạn. Văn bản kí hiệu AB.266 gồm 222 trang, tập hợp 4 tác phẩm khác nhau, lấy tên tác phẩm đầu tiên trong văn bản làm tên toàn sách, đó là các tác phẩm:

- *Hiếu kinh lập bản* (36 trang), giải thích, bình luận về *Hiếu kinh*.
- *Hiếu sử lược thuyết* (126 trang), gồm 108 truyện về các tấm gương hiếu thuận trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc, sắp đặt thành các bộ: đế vương, hoàng hậu, hoàng thân, công chúa, người ẩn dật, quan lại, phụ nữ và trẻ em.
- *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca* (26 trang): diễn Nôm tác phẩm *Hiếu kinh* theo thể lục bát.
- *Hiếu sử quốc âm ca* (36 trang): diễn Nôm sang thể lục bát tác phẩm *Hiếu sử lược thuyết* của chính tác giả.

Văn bản VHv.343 dày 96 trang, gồm *Hiếu sử lược thuyết* và *Hiếu kinh lập bản*.

Văn bản VNv.60 dày 40 trang, gồm 3 tác phẩm:

- *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca*: Gồm 1 bài tựa của Thái sử Phạm Hữu Nghi, 1 bài đề tựa của tác giả và bản dịch *Hiếu kinh* sang chữ Nôm (gồm từng câu chữ Hán kèm theo câu dịch Nôm theo thể lục bát).

- *Hoạt thể sinh cơ hiếu tử quang truyện*: dịch tác phẩm *Hoạt thể sinh cơ hiếu tử quang truyện* của Thiệu Kỷ Đường, người đời Thanh (Trung Quốc) sang chữ Nôm theo thể thơ lục bát, có nội dung ca ngợi về người con có hiếu.

- *Bổ chính nhị thập tứ hiếu truyện diễn nghĩa ca*: diễn Nôm theo thể song thất lục bát về 24 tấm gương hiếu thuận trong lịch sử Trung Quốc.

Như vậy, có thể thấy, ba văn bản này không phải văn bản đơn tác phẩm như các văn bản còn lại, mà là những văn bản đa tác phẩm, hơn nữa, có thể coi là những tập hợp chuyên đề về đạo hiếu nói chung, trong đó, *Hiếu kinh* là trung tâm, cốt lõi. Nếu *Hiếu kinh lập bản* là tác phẩm kinh học đi vào khảo cứu, giải thích, bình luận *Hiếu kinh* và *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca* là dịch phẩm *Hiếu kinh* sang chữ Nôm sử dụng thể thơ lục bát của dân tộc, giúp con đường phổ biến, lưu truyền *Hiếu kinh* được thuận lợi, rộng rãi hơn, thì *Hiếu sử lược thuyết*, *Hiếu sử quốc âm ca*, *Hoạt thể sinh cơ hiếu tử quang truyện*, *Bổ chính nhị thập tứ hiếu truyện diễn nghĩa ca* là tập hợp những tấm gương hiếu tử trong lịch sử như những minh chứng xác thực khẳng định ý nghĩa, tác dụng, sự vận hành, thấm thấu của *Hiếu kinh* trong đời sống thực tiễn. Trong 6 tác phẩm trên, có tới 3 dịch phẩm Nôm sử dụng thể thơ lục bát và 1 dịch phẩm Nôm sử dụng thể thơ song thất lục bát, những thể thơ dân tộc gần gũi, dễ truyền tụng. Việc tập hợp các văn bản cùng chủ đề với sự đa dạng về hình thức văn tự (bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm), đa dạng về thể loại (gồm chú giải, dịch Nôm, văn xuôi, thơ lục bát, song thất lục bát) đã tạo nên nét đặc sắc cho nhóm văn bản của Việt Nam. Có lẽ đây cũng là chủ ý lựa chọn những phương thức phong phú, linh hoạt, thuận tiện nhằm phổ biến *Hiếu kinh*, đề cao đạo hiếu của Hoàng tử triều Nguyễn - Miên Tuấn, khi ông biên soạn nên những tập hợp tác phẩm này.

Cũng cần phải nói thêm về tác phẩm *Hiếu kinh lập bản*. Trong nguồn tư liệu hiện khảo cứu được, đây có thể coi là công trình kinh học về *Hiếu kinh* đầu tiên và hiếm hoi của Việt Nam. Trong bài tựa đề tựa sách *Hiếu kinh lập bản*, cho thấy việc Hoàng tử Miên Tuấn biên soạn sách này có lẽ bởi trước hết, ông thấm nhuần quan điểm “hiếu là gốc của đức, người quân tử chăm chú vào gốc,

gốc vững thì đạo sinh ra”³, ông cho rằng “sách ngũ kinh chờ đạo, đều lấy *Hiếu kinh* làm gốc五經載道之書,總以孝經為本”, và ông biên soạn sách nhằm muốn khắc phục nạn “học trò bỏ gốc, đuổi theo ngọn.... học phong ngày càng đi xuống, có lẽ phần nhiều chưa được tận mắt tiếp xúc kinh điển士子舍本逐末...風日斯下,盖多未目擊,宜略詰經義”. Miên Tuấn đã được giảng dạy kỹ về *Hiếu kinh* từ khi còn nhỏ, với tinh thần ham học hỏi, suy cứu, lớn lên, ông lại tự tìm tòi, rộng mua sách vở chú giải về *Hiếu kinh* qua các đời của Trung Quốc nhưng những bản chú đó đều chưa khiến ông thoả mãn. Ông “bèn tự hạ màn giam mình khổ công, cúi đọc ngẩng nghĩ...乃自下帷攻苦,俯誦仰思...”, “tự tay sửa chữa, cả thầy bốn năm lần thay bản thảo手加改定,凡四五易艸”, “xét đây là tâm sức nửa đời, dốc toàn bộ tinh thần, đến nay đã 10 năm rồi顧是半生心力,全副精神,今十年來矣” để hoàn thành sách. *Hiếu kinh lập bản* được thực hiện chú giải trên cơ sở khảo cứu công phu, căn trọng các công trình chú giải đi trước, theo quy tắc “chọn bản *Hiếu kinh kim văn* mà chú thích (chính văn thì chọn bản *Minh Hoàng kim văn*, chú thích thì tự soạn). Có chỗ theo cô chú cùng những lời hay đẹp thì bày tỏ ra, không giấu những chỗ hay của người khác. Những chỗ chú sớ chưa rõ ràng hay lẫn lộn thì khảo chứng kinh sử trăm nhà, rồi bày tỏ ý kiến của mình mà phát huy sửa chữa, ắt thấy an tâm rồi sau mới thôi取今文孝經而註釋之(其正文取明黃今文本,其註釋則自拙撰)其或從古註及采嘉言者則表出之,不藏人善也.其諸註疏未詳與舛誤者則考証經史百家,間嘗伸己意見而發明改正之,必得心安而後已”. Như vậy, *Hiếu kinh lập bản* không chỉ là công trình chú giải *Hiếu kinh* được tham bác, tiếp thu các công trình chú giải của Trung Hoa mà còn thể hiện những kiến giải, chính kiến độc lập của cá nhân tác giả, với những thao tác dẫn nguồn tham khảo đảm bảo tính minh bạch, khoa học. Dù đã cố gắng hết sức nhưng với tinh thần cầu thị, khiêm cung, mong muốn đạt chất lượng tốt nhất, ông lại mang sách nhờ anh là Tuy Lý công Tĩnh Phố⁴ xem xét, cải chính. Tuy Lý Vương đọc xong và ngợi khen: “Đã lưu tâm thực học, công phu đáng mừng. Đến như những chỗ theo cô chú, hoặc những chỗ phát ý mới, thấy hàm chứa ý kiến riêng của mình đều tốt, không cần ta phải sửa chữa得留心實學工夫,已為可喜.至如或從古註,或出新意,各抒己見皆善,不須予改也”. *Hiếu kinh lập bản* còn được Thái sử Phạm Hữu Nghi (người từng dạy Miên Tuấn), viết lời đề tựa, nhận xét rằng: “Sách này giải thích kỹ càng, phát hiện nhiều điều mà các bậc hiền trước đây chưa nêu ra. Tỏ rõ đạo tiên thánh, mở mang cho hậu học, đáng gọi là công thần của Khổng Tử... Xem trong lời chú, càng thấy âm vang, đạt được điều mà trước đây chưa từng đạt được是書詮定精密,多發前賢所未發.表章先聖,開牖後學,可謂孔子功臣... 註中此語,更覺錚錚,得未曾有”. Những nhận xét đó càng thêm khẳng định giá trị học thuật mà tác phẩm *Hiếu kinh lập bản* của Hoàng Tử Miên Tuấn đã dày công khảo cứu, luận giải.

3. KẾT LUẬN

Thông qua việc khảo sát, thống kê, phân tích nguồn tư liệu Hán Nôm về *Hiếu kinh* tại hai kho lưu trữ lớn của Việt Nam, bài viết đã đạt được các kết quả như sau:

- Thống kê, mô tả, phân tích và xác định, cung cấp số lượng tác phẩm, văn bản Hán Nôm về *Hiếu kinh* hiện khảo được là 7 tác phẩm và 13 văn bản.
- Xác định niên đại biên soạn, xuất bản và phương thức chế bản để làm rõ vị thế, sự trọng thị *Hiếu kinh* được tập trung trong giai đoạn khoảng giữa thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX, tức là đều thuộc triều Nguyễn, cho thấy sự chú trọng phổ biến lưu truyền và luận giải cũng như sự đề cao *Hiếu kinh* vào thời kỳ này.
- Thông qua thực hiện phân loại nhóm văn bản có xuất xứ Trung Quốc và Việt Nam, phân tích đặc điểm của các nhóm này từ phương diện nội tại và ngoại tại văn bản để rút ra những đặc trưng về nội dung và hình thức, cũng như sự lưu truyền, tiếp nhận *Hiếu kinh* ở Việt Nam. Đó là: sự lưu truyền các tác phẩm có tính chất đa dạng, không chỉ lưu truyền nguyên điển mà còn lưu truyền các

³ Câu này xuất phát từ thiên *Học nhi*, sách *Luận ngữ* viết: *Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh* (người quân tử chuyên chú vào gốc, gốc lập mà đạo sinh ra).

⁴ Tuy Lý công Tĩnh Phố: người nổi tiếng với tài thơ phú, từng được ca ngợi là: *Thi đảo Tùng Tuy thất Thịnh Đường* (Thơ đến Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương thì át cả thơ thời Thịnh Đường).

văn bản được chuyển dịch sang chữ Nôm ở cả hình thức văn xuôi và thơ lục bát, đem lại sự gần gũi, thuận lợi trong việc phổ biến và tiếp nhận; không chỉ lưu truyền và tiếp nhận nội dung đơn thuần của *Hiếu kinh*, mà còn thể hiện đậm nét ở những phương thức chú giải, xiển phát, tiết yếu; không chỉ thuần túy lưu truyền và tiếp nhận những tác phẩm kinh học của Trung Quốc mà còn có sự chủ động khảo cứu, luận giải *Hiếu kinh* nhằm đưa ra những kiến giải riêng mới của người Việt; nhóm văn bản của Việt Nam còn thể hiện nét đặc sắc ở tính tập hợp liên văn bản hay đa văn bản, đa văn tự, đa thể loại (bao gồm đồng thời những tác phẩm chú giải *Hiếu kinh* bằng chữ Hán, diễn ca Nôm lục bát sách *Hiếu kinh*, tác phẩm bằng chữ Hán biên soạn những tấm gương có hiếu thuộc nhiều tầng lớp xã hội trong lịch sử ở cả Việt Nam và Trung Quốc đi kèm bản dịch Nôm sang thể lục bát hoặc song thất lục bát) có ý nghĩa soi tỏ lẫn nhau từ nguyên điển đến luận giải, từ nguyên lý đến thực tiễn đời sống.

Nghiên cứu về *Hiếu kinh* nói chung cũng như sự lưu truyền, tiếp nhận *Hiếu kinh* ở Việt Nam còn cần phải tiếp tục khảo cứu trên nhiều nguồn tư liệu cả ở chiều rộng và chiều sâu văn bản, cả ở chiều dài lịch sử và độ lớn của không gian nhằm xác lập được diện mạo chung cũng như những điểm đặc sắc về vị thế, sự ảnh hưởng của bộ kinh điển này ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Nghĩa, Francois Gros đồng chủ biên (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. *Hiếu kinh chú giải* 孝經註解, kí hiệu AC. 1415, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
3. *Trung kinh, Hiếu kinh tiết yếu* 忠經孝經節要, kí hiệu VHv.1006, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm; kí hiệu R.1779, Thư viện Quốc gia Việt Nam.
4. *Hiếu kinh lập bản* 孝經立本, kí hiệu AB. 266; VHv.343, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
5. *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca* 孝經國音演義歌, kí hiệu VNv.60, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
6. *Hiếu kinh dịch thuyết xiển nghĩa* 孝經釋說闡義, kí hiệu AC. 409; VHv.1008, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
7. *Hiếu kinh dịch nghĩa* 孝經釋義, kí hiệu VHv. 1007, VNv.299, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
8. *Hiếu kinh tập chú* 孝經集註, kí hiệu VHv. 1009, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

THE TRANSMISSION AND RECEPTION OF THE XIAO JING IN VIETNAM BY A SURVEY OF SINO- NOM DOCUMENTARY SOURCES

Abstract: *The Hieu Kinh (Xiao Jing) – classic book of Filial Piety - has an important influence on the traditional culture of China as well as on the countries belonging to the same cultural group of Chinese characters, including Vietnam. So how has the Xiao Jing been transmitted and received in Vietnam? To answer that question satisfactorily, it requires extensive research from many sources of documents, from many aspects. Within this scope, the article conducts a survey of the Sino-Nom source of documents on it from a large number of Sino-Nom archives, in order to compile for statistics on the current situation of documents, analyzing to draw out the characteristics of quantity, form, content of documents, chronology, method of transmission, the initiative in receiving, interpreting and spreading the Xiao Jing in Vietnam.*

Keywords: *Xiao Jing ; interpretation of the Xiao Jing in Vietnam; Sino-Nom source of documents on the Xiao Jing; method of transmission; reception.*